

Bản án số: 26/2023/ST-HNGĐ

Ngày 31/3/2023

" *Tranh chấp hôn nhân gia đình* "

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH HƯNG YÊN**

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Hữu Tăng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hoàng Xuân Hào

Bà Phạm Thị Lan

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Vũ Thúy Hằng - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hưng Yên*** tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 10/2023/TLST-HNGĐ ngày 13/02/2023 về việc: "*Tranh chấp hôn nhân và gia đình*".

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 11/2022/QĐXXST- HNGĐ ngày 03 tháng 3 năm 2023, của Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên, vụ án giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Trần Thị D, sinh năm: 1985; HKTT: Nghĩa T, Tân Q, Văn L, Hưng Yên (Vắng mặt)

- Bị đơn: Anh Đỗ Việt A, sinh năm: 1988; HKTT: Nghĩa T, Tân Q, Văn L, Hưng Yên

Hiện cư trú tại: Phòng 2B, số 11, đường Văn P, quận Lộ T, thành phố Cao H, Đài L. (Vắng mặt)

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

Cháu Đỗ Kiều V, sinh ngày: 19/11/2011; (Vắng mặt)

Cháu Đỗ Trần Nhật N, sinh ngày 31/7/2020; (Vắng mặt)

Cùng HKTT: Nghĩa T, Tân Q, Văn L, Hưng Yên

Đại diện theo pháp luật của hai cháu: Chị Trần Thị D và anh Đỗ Việt A là bố mẹ đẻ của các cháu.

- Người làm chứng:

Ông Đỗ Quang M, sinh năm: 1965; HKTT: Nghĩa T, Tân Q, Văn L, Hưng Yên (Vắng mặt)

Bà Phạm Thị K, sinh năm: 1954; HKTT: Việt H, Vũ T, Thái B. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản lấy lời khai, nguyên đơn chị Trần Thị D trình bày: Chị và anh Đỗ Việt A có thời gian tìm hiểu nhau khi cùng lao động tại Đài L, sau đó chị D có thai, sinh con. Đến năm 2012 anh chị đăng ký kết hôn tại UBND xã Tân Q, huyện Văn L, tỉnh Hưng Yên vào ngày 03/01/2012. Sau khi kết hôn anh chị chung sống cùng nhau tại nhà anh Việt A. Anh chị chung sống hạnh phúc đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do sau khi đăng ký kết hôn một thời gian anh Việt A tiếp tục đi xuất khẩu lao động tại Đài L. Trong quá trình anh chị chung sống cùng nhau anh Việt A về nước hai lần vào các năm 2016 và 2020 từ đó đến nay anh Việt A không về nước lần nào nữa. Chị có nguyện vọng anh Việt A về nước hẳn để vợ chồng cùng chung sống và nuôi dạy các con. Tuy nhiên anh Việt A không đồng ý. Vợ chồng anh chị ly thân từ năm 2020 cho đến nay. Do mâu thuẫn vợ chồng nên mỗi lần anh chị gọi điện thoại nói chuyện với nhau lại xảy ra cãi cọ nhau. Anh Việt A không quan tâm gì đến chị và hai con. Chị vẫn ở nhà anh Việt A chăm sóc các con và làm tròn trách nhiệm của người con dâu. Đến nay chị xác định tình cảm với anh Việt A đã hết, vợ chồng không tiếp tục chung sống cùng nhau nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Việt A.

Về con chung: Vợ chồng có hai con chung là các cháu Đỗ Kiều V, sinh ngày 19/11/2011 và cháu Đỗ Trần Nhật N, sinh ngày 31/7/2020. Hiện hai cháu đang ở với chị, anh Việt A đang làm việc tại Đài L. Nên nguyện vọng của chị được tiếp tục trực tiếp chăm sóc giáo dục hai con cho đến khi hai cháu đủ 18 tuổi. Về cấp dưỡng nuôi con hai anh chị tự thỏa thuận nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ nần, ruộng canh tác nông nghiệp, công sức đóng góp: Chị xác định anh chị không có gì nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai cũng như văn bản của anh Việt A gửi về trình bày:

Về tình cảm: Anh xác định về điều kiện, thời gian đăng ký kết hôn như chị D trình bày là đúng. Vợ chồng hạnh phúc được vài năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do chị D muốn anh về Việt Nam ở hẳn để vợ chồng chung sống và nuôi hai con, nhưng anh Việt A thì muốn làm việc vài năm nữa để phát triển kinh tế gia đình. Anh chị mỗi lần liên lạc với nhau lại xảy ra cãi cọ nhau. Anh chị ly thân nhau từ năm 2020 đến nay, cả hai không ai quan tâm đến ai. Đến nay chị D xin ly hôn anh, anh xác định vợ chồng mâu thuẫn trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn nên cũng nhất trí ly hôn. Anh đề nghị Tòa án gửi các văn bản cho bố anh là người được anh ủy quyền nhận các văn bản của Tòa án.

Về con chung: Anh cũng xác định vợ chồng có hai con chung như chị D trình bày. Do anh đang làm việc tại Đài L nên anh tự nguyện giao cả hai con cho chị D tiếp tục trực tiếp chăm sóc giáo dục đến khi hai cháu đủ 18 tuổi. Về cấp dưỡng anh

chị tự thỏa thuận nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ nần, ruộng canh tác nông nghiệp, công sức đóng góp: Anh xác định anh chị không có gì nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cháu Đỗ Kiều V trình bày: Cháu là con gái của bố Việt Anh và mẹ Duyên. Bố cháu đang ở Đài L, ít khi về nhà. Nay mẹ cháu có đơn xin ly hôn bố cháu, cháu mong muốn bố mẹ cháu đoàn tụ để nuôi dạy chị em cháu. Nếu bố mẹ ly hôn cháu có nguyện vọng ở với mẹ vì cháu ở với mẹ từ bé, cháu là con gái nên mẹ hiểu tâm sinh lý của cháu. Về cấp dưỡng cháu đề bố mẹ tự thỏa thuận. Cháu đề nghị xin được xét xử vắng mặt.

Người làm chứng ông Đỗ Quang M và bà Phạm Thị K là bố đẻ anh Việt A và mẹ đẻ chị D trình bày: Về thời gian, điều kiện đăng ký kết hôn như anh Việt A và chị D trình bày. Hai ông bà đều xác định anh chị có mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh Việt A không muốn về nước còn chị D thì muốn anh về nước ở hẳn để vợ chồng chung sống, chăm sóc hai con. Ông bà, đề nghị Tòa án giải quyết theo nguyện vọng của hai anh chị. Ông Đỗ Quang M nhất trí với việc ủy quyền của anh Việt A về việc nhận các văn bản của Tòa án.

Quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan và người làm chứng đều yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt.

Tại công văn số của Cục quản lý xuất nhập cảnh xác định anh Đỗ Việt A đã xuất cảnh qua cửa khẩu quốc tế Tân Sơn Nhất vào ngày, hiện chưa có thông tin về nhập cảnh.

Tại công văn số 14/UBND-TP ngày 21/02/2023 của UBND xã Tân Q cung cấp chị D và anh Việt A đăng ký kết hôn tại UBND xã Tân Q vào ngày 03/01/2012. Hai cháu Đỗ Kiều V, sinh ngày 19/11/2011 và cháu Đỗ Trần Nhật N, sinh ngày 31/7/2020 là con chung của anh chị được đăng ký khai sinh tại UBND xã.

Tại phiên tòa: Các đương sự đều vắng mặt. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hưng Yên phát biểu ý kiến:

Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án. Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người làm chứng đã chấp hành đầy đủ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về quyền và nghĩa vụ.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của chị Trần Thị D. Về án phí: Chị D phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1]. Về tố tụng: Chị D khởi kiện yêu cầu xin ly hôn anh Việt A, hiện anh Việt A đang cư trú tại phòng 2B, số 11, đường Văn P, quận Lộ T, thành phố Cao H, Đài L nên quan hệ pháp luật tranh chấp là tranh chấp Hôn nhân và gia đình và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên theo quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 37 Bộ luật tố tụng dân sự.

Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, và những người làm chứng đều đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 228, Điều 229 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, và những người làm chứng.

[2] Về nội dung: Xét yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Trần Thị D, Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị D và anh Việt A là hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Tuy nhiên quá trình chung sống đã phát sinh mâu thuẫn, và đã ly thân từ năm 2020 đến nay. Trong thời gian vợ chồng sống ly thân không ai quan tâm đến ai. Anh Việt A xác định tình cảm với chị D không còn nên nhất trí ly hôn. Như vậy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị D và anh Việt A đã trở lên trầm trọng, mục đích Hôn nhân không đạt được, đời sống chung không kéo dài. Căn cứ vào Điều 51 và 56 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử xử cho chị D được ly hôn anh Việt A.

[2.2]. Về con chung: Chị D, anh Việt A có 02 con chung là cháu Đỗ Kiều V, sinh ngày 19/11/2011 và cháu Đỗ Trần Nhật N, sinh ngày 31/7/2020. Hiện hai cháu đang ở với chị D. Ly hôn, chị D và anh Việt A đều thống nhất, để chị D tiếp tục trực tiếp chăm sóc giáo dục hai cháu. Về cấp dưỡng anh chị tự thỏa thuận không đề nghị Tòa án giải quyết. Phù hợp với nguyện vọng của cháu Đỗ Kiều V. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận sự thỏa thuận của các đương sự. Anh Việt A có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

[2.3]. Về tài sản chung, nợ chung: Chị D và anh Việt A đều không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3]. Về án phí: Chị D phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn và án phí cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết 326 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37, khoản 4 Điều 147, Điều 228, Điều 229, Điều 479 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 73, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Trần Thị D.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị D được ly hôn anh Đỗ Việt A.

2. Về con chung: Giao cháu Đỗ Kiều V, sinh ngày 19/11/2011 và cháu Đỗ Trần Nhật N, sinh ngày 31/7/2020 cho chị Trần Thị D trực tiếp chăm sóc giáo dục cho đến khi đủ 18 tuổi. Về cấp dưỡng các đương sự không yêu cầu giải quyết nên HĐXX không xem xét giải quyết.

Anh Việt A có quyền, nghĩa vụ thăm nom và chăm sóc con chung không ai được cản trở.

Vì lợi ích của con chung, chị D, anh Việt A có quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con chung và mức cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản, nợ và các vấn đề khác: Chị D, anh Việt A đều không yêu cầu Tòa án giải quyết, Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí: Chị Trần Thị D phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí sơ thẩm ly hôn. Đối trừ vào số tiền 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) chị D đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0000213 ngày 13/02/2023 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Hưng Yên. Chị D đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo: Chị D có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, anh Việt A được quyền kháng cáo trong thời hạn một tháng kể từ ngày bản án được tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hưng Yên;
- Cục THADS tỉnh Hưng Yên;
- UBND xã Tân Q;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Hoàng Hữu Tăng

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hưng Yên;
- Cục thi hành án tỉnh Hưng Yên;
- Các đương sự;
- Lưu VP, Lưu Tòa, HS.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Hoàng Hữu Tăng

Các Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Hoàng Hữu Tăng

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn

Đại diện theo ủy quyền của bị đơn

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hưng Yên phát biểu quan điểm:

- Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, xác định đúng tư cách của những người tham gia tố tụng. Đối với người tham gia tố tụng phía Bị đơn đã không chấp hành quy định của pháp luật.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn.....

.....

..

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ lời trình bày của đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

